

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 260/2024/DS-PT

Ngày: 13-6-2024

“Thực hiện nghĩa vụ do
người chết để lại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

• **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1 Bà Phạm Thị Thanh Giang;

2 Ông Trần Tuấn Vũ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Tấn Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gọn, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 201/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị H (theo văn bản uỷ quyền ngày 03-7-2023):

+ Anh Lê Minh T, sinh năm 1993; địa chỉ: phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

+ Chị Phạm Thị Thúy A, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp B, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

+ Anh Trần Minh T1, sinh năm 1984, địa chỉ: khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (ngày 06-6-2024 có văn bản chấm dứt tư cách đại diện theo uỷ quyền cho chị H).

Bị đơn: Anh Đặng Công D, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ tạm trú: ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh D: Ông Nguyễn Văn T2 – Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thanh H1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Minh T3; sinh 1940, địa chỉ: khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Trần Văn B, sinh năm 1945; vắng mặt;

+ Bà Phạm Thị R, sinh năm 1948; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người kháng cáo: anh Đặng Công D và ông Nguyễn Minh T3.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Chị H cho chị Nguyễn Thị P vay tổng cộng 300.000.000 đồng, cụ thể: ngày 10-3-2022, chị P vay 200.000.000 đồng; đến ngày 29-3-2022, chị P tiếp tục vay 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay đến ngày 15-5-2022; khi vay chị P đưa chị H giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01610/354/2007/QĐ-UBND (HL) do ông Trần Văn B, Phạm Thị R đứng tên để làm tin. Đến tháng 5-2023, chị P chết; chị P có chồng là Đặng Công D, có cha là ông Nguyễn Minh T3; anh D, chị P không có con.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu anh D, ông T3 có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 15-5-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 22 tháng. Chị H đồng ý trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01610/354/2007/QĐ-UBND (HL) cho ông B, bà R.

Bị đơn anh Đặng Công D trình bày: Anh là chồng chị Nguyễn Thị P (chết tháng 5-2022). Anh D, chị P không có con chung. Anh không quen biết chị H, chị P có nợ tiền chị H hay không anh không biết, anh và chị P không có tài sản chung. Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị H.

Số tiền 400.000.000 đồng không phải là di sản do chị P chết để lại, nên anh yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05 ngày 30-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20-02-2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T3 trình bày: Ông là cha ruột của chị P, mẹ của chị P đã chết. Việc chị P có vay tiền của chị H hay không thì ông không biết, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22-02-2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B trình bày: Ông không có quan hệ họ hàng với chị P và không quen biết chị P. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01610/354/2007/QĐ-UBND (HL) do Ủy ban nhân dân huyện G do ông và bà Phạm Thị R đứng tên. Do vợ chồng ông bị mất trộm tài sản, trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin nhận lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22-02-2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị R trình bày: Bà là vợ của ông B, bà thống nhất theo lời trình bày của ông B, không bổ sung gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Anh D, chị P là vợ chồng, chị P đã chết ngày 26-5-2022. Anh D không biết số nợ này. Tại kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh T, chỉ giám định chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 10-3-2022 là của chị P, không có kết luận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 29-3-2022.

Về di sản của chị P để lại: Anh D, chị P không có tài sản chung nên anh D không có nghĩa vụ dùng tài sản của anh D để trả nợ cho chị P. Trong hợp đồng bảo hiểm ghi rõ người thừa hưởng chỉ định là bà Nguyễn Thị Quế H2 (mẹ chị P), nhưng bà H2 đã chết trước chị P, nên số tiền bảo hiểm không phải là di sản của chị P chết để lại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H2. Anh D yêu cầu huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05 ngày 30-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, anh D không yêu cầu chị H2 bồi thường thiệt hại.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 26-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H đối với anh Đặng Công D về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Buộc anh Đặng Công D, ông Nguyễn Minh T3 có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Thu H số tiền 355.000.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu) đồng trong phạm vi giá trị di sản thừa kế chị Nguyễn Thị P để lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 01-4-2024, anh Đặng Công D và ông Nguyễn Minh T3 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Ngày 17-4-2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 17-4-2024; đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng: sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí và chi phí tố tụng đối với anh D và ông T3 chỉ phải chịu trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị P để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đặng Công D trình bày: anh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Nguyễn Văn T2 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh D trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh D; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, trình bày: giữ nguyên kháng nghị.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Đặng Công D và ông Nguyễn Minh T3; chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 17-4-2024; sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí và chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Công D và ông Nguyễn Minh T3 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

2.1. Về số tiền vay: chị H cho chị P vay tổng cộng 300.000.000 đồng; đến tháng 5-2022 chị P chết. Tại kết luận giám định số 1649/KL-KTHS ngày 07-11-2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chữ ký, chữ viết tên trong giấy vay tiền ngày 10-3-2022 là của chị Nguyễn Thị P. Chị Lê Thị Thủy P1 xác nhận, ngày 29-3-2022 chị P có vay tiếp của chị H số tiền 100.000.000 đồng, chị P1 có ký tên vào giấy vay tiền là người làm chứng. Do đó, cấp sơ thẩm xác định chị P nợ chị H số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ.

2.2. Về nghĩa vụ trả nợ vay: chị H yêu cầu buộc anh D, ông T3 có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi vay; xét thấy, chị P có mua bảo hiểm nhân thọ tại Công ty B1. Tại kết quả giải quyết quyền lợi bảo hiểm ngày 11-7-2023 của Bảo Việt nhân thọ T4 xác định: người thụ hưởng trong hợp đồng bảo hiểm của chị P là Nguyễn Thị Quế H2 (mẹ chị P đã chết ngày 14-3-2020) nên quyền lợi bảo hiểm sẽ được chi trả cho người thừa kế hợp pháp cho chị P; nên cấp sơ thẩm căn cứ Điều 105, Điều 612 của Bộ luật dân sự, xác định quyền lợi bảo hiểm do chị P chết để lại là di sản; buộc anh D, ông T3 có nghĩa

vụ trả cho chị H2 số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của chị P để lại là phù hợp; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh D và ông T3.

2.3. Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 17-4-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí và chi phí tố tụng, nhận thấy:

Do quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” nên những người thừa kế di sản của chị P chỉ phải chịu án phí, chi phí tố tụng trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị P để lại; nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc anh D và ông T3 phải chịu tiền án phí và chi phí tố tụng là chưa đúng với quy định của pháp luật; do đó, cần chấp nhận kháng nghị, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí và chi phí tố tụng như nhận định trên.

4. Từ những phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Công D và ông Nguyễn Minh T3; chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 17-4-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí và chi phí tố tụng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên anh D, ông T3 phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy, ông T3 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho ông T3.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Không chấp nhận kháng cáo của anh Đặng Công D và ông Nguyễn Minh T3;

3. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 17-4-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

4. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

5. Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 184; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 612, Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

5.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H đối với anh Đặng Công D về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

5.2. Buộc anh Đặng Công D và ông Nguyễn Minh T3 có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Thu H số tiền 355.000.000 (*ba trăm năm mươi lăm triệu*) đồng, trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị P để lại.

5.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5.4. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 30-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Về chi phí tố tụng: Anh Đặng Công D và ông Nguyễn Minh T3 phải chịu 2.220.000 đồng tiền chi phí giám định, trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị P để lại. Chị H đã tạm ứng số tiền này nên buộc anh D và ông T3 có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị H số tiền 2.220.000 (hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn) đồng, trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị P để lại.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Minh T3.

7.2. Anh Đặng Công D phải chịu 8.875.000 (tám triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị P để lại.

7.3. Chị Lê Thị Thu H không phải chịu. Hoàn trả cho chị H số tiền 8.625.000 đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0025784 ngày 24-8-2023 và số 0013721 ngày 05-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

8. Án phí dân sự phúc thẩm:

8.1. Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Minh T3.

8.2. Anh Đặng Công D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị P để lại; được trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0013801 ngày 01-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- TAND huyện Gò Dầu;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn